

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 4/ 2014
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q4/2014	Số thuế chênh lệch	
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả
18	Nguyễn Văn	Giang	Khoa CNTT	68,476,828	27,000,000	21,600,000	2,609,793	17,267,035	976,704	2,431,467		1,454,763
19	Nguyễn Sanh	Cường	Khoa CNTT	36,379,227	27,000,000	-	1,121,235	8,257,992	412,899	1,104,898		691,999
20	Nguyễn Văn	Danh	Khoa CNTT	50,679,173	27,000,000	10,800,000	1,470,046	11,409,127	570,456	862,220		291,764
21	Trần Việt	Khánh	Khoa CNTT	28,582,615	27,000,000	-	967,209	615,406	30,771	501,775		471,004
22	Vũ Thị Thái	Linh	Khoa CNTT	37,001,600	27,000,000	-	1,162,824	8,838,776	441,939	1,316,940		875,001
23	Nguyễn Văn	Minh	Khoa CNTT	44,399,873	27,000,000	-	1,131,813	16,268,060	876,807	1,261,820		385,013
24	Lê Quý Hưng	Quốc	Khoa CNTT	58,826,200	27,000,000	21,600,000	1,776,329	8,449,871	422,493	1,242,708		820,215
25	Khánh	Thư	Khoa CNTT	41,667,732	27,000,000	10,800,000	1,034,913	2,832,819	141,642	1,089,580		947,938
26	Nguyễn Thị	Thùy	Khoa CNTT	47,458,552	27,000,000	-	1,939,039	18,519,513	1,101,951	1,489,180		387,229
27	Võ Anh	Trang	Khoa CNTT	33,614,581	27,000,000	-	1,173,690	5,440,891	272,046	1,106,112		834,066
28	Lê Phi	Trương	Khoa CNTT	31,212,091	27,000,000	-	967,209	3,244,882	162,243	305,553		143,310
29	Lâm Thanh	Hùng	Khoa CNTT	28,051,133	27,000,000	-	847,665	203,468	10,173	862,220		852,047
79	Nguyễn	Khoa	Khoa CNTT	42,164,428	27,000,000	21,600,000	261,519	0	0	1,727,000		1,727,000
80	Lê Tấn	Đạt	Khoa CNTT	34,742,935	27,000,000	21,600,000	1,195,425	0	0	877,715		877,715
81	Đặng Ngọc	Đoàn	Khoa CNTT	27,186,608	27,000,000	21,600,000	967,209	0	0	490,124		490,124
82	Nguyễn Văn	Đôn	Khoa CNTT	25,723,152	27,000,000	10,800,000	967,209	0	0	383,429		383,429
83	Bùi Văn	Dũng	Khoa CNTT	31,321,763	27,000,000	21,600,000	967,209	0	0	1,089,580		1,089,580
84	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Khoa CNTT	32,451,371	27,000,000	10,800,000	967,209	0	0	1,089,580		1,089,580
85	Ng. Ng. H. Ngọc	Quyên	Khoa CNTT	33,383,781	27,000,000	21,600,000	1,173,690	0	0	1,081,309		1,081,309
86	Lê Hồng	Thái	Khoa CNTT	36,217,558	27,000,000	10,800,000	967,209	0	0	1,050,029		1,050,029
87	Nguyễn Ngọc	Tuyên	Khoa CNTT	20,459,784	27,000,000	-	847,665	0	0	200,453		200,453
88	Trần Vĩnh	Xuyên	Khoa CNTT	35,693,298	27,000,000	10,800,000	1,039,659	0	0	1,146,980		1,146,980
89	Đỗ Thị Hải	Yến	Khoa CNTT	31,268,232	27,000,000	21,600,000	967,209	0	0	1,089,580		1,089,580
90	Dương Ngọc	Vọng	Khoa CNTT	37,453,853	27,000,000	10,800,000	1,086,750	0	0	1,054,628		1,054,628

Phòng Kế hoạch Tài chính: Thông báo đến các cá nhân có tên trong bảng danh sách phải nộp thuế TNCN trên, đến nộp tại phòng KHTC trước ngày 30/03/2015.